

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ TRÀ VINH
TỈNH TRÀ VINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 11/2023/DS - ST
Ngày 28/4/2023
“V/v tranh chấp hợp đồng mua bán”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ TRÀ VINH

Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Bà Diệp Thị Nết

Các hội thẩm nhân dân: 1. Ông Cao Minh Sơn

2. Ông Đặng Văn Dũng

Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Tuyền - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Trà Vinh tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thu Giang - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 4 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh, mở phiên tòa xét xử sơ thẩm vụ án thụ lý số 283/2022/TLST - DS ngày 11/10/2022 về việc “*Tranh chấp hợp đồng mua bán*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 06/2023/QĐXXST - DS ngày 10 tháng 4 năm 2023, giữa:

1. *Nguyên đơn:* Ông Lâm Văn N, sinh năm 1962 (có mặt)

Địa chỉ: Ấp L, xã Đ, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

2. *Đồng bị đơn:*

- Ông Nguyễn Văn Bé T, sinh năm 1973 (vắng mặt)

- Bà Lê Thị P, sinh năm 1973 (vắng mặt)

Cùng địa chỉ: Ấp L, xã L, thành phố T, tỉnh Trà Vinh.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện ngày 14/02/2022 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, cũng như tại phiên tòa sơ thẩm hôm nay, nguyên đơn ông Lâm Văn N trình bày:

Ông Lâm Văn N có bán thức ăn chăn nuôi gia cầm cho bà Lê Thị P, ông Nguyễn Văn Bé T nhiều lần, từ ngày 10/12/2016 cho đến ngày 03/6/2017, có sổ sách ký nhận với tổng số tiền bằng 147.820.000 đồng. Trong quá trình đó bà Lê Thị P, ông Nguyễn Văn Bé T có trả tiền cho ông Lâm Văn N được 06 lần với tổng số tiền là 30.000.000 đồng, cụ thể như sau:

Lần thứ nhất vào ngày 01/5/2017 trả được 20.000.000 đồng, lần 02 vào ngày 05/3/2019 trả được 2.000.000 đồng, lần 03 vào ngày 17/8/2019 trả được 2.000.000 đồng, lần 04 vào ngày 11/9/2020 trả được 2.000.000 đồng, lần 05 vào ngày 06/9/2020 trả được 2.000.000 đồng, lần 06 vào ngày 11/12/2020 trả được 2.000.000 đồng, nay còn nợ lại là 122.095.000 đồng, mặc dù ông N đã nhiều lần yêu cầu bà P và ông T trả, nhưng bà P và ông T né tránh không trả số tiền còn lại cho ông N cho đến nay.

Ông Lâm Văn N yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Lê Thị P và ông Nguyễn Văn Bé T có trách nhiệm trả cho ông Lâm Văn N tổng số tiền gốc và lãi bằng 150.855.000 đồng (vốn gốc: 122.095.000 đồng; lãi suất 20%/năm tính từ ngày 11/12/2020 đến ngày 07/02/2022 là 28.760.000 đồng).

Tại phiên tòa hôm nay ông Lâm Văn N yêu cầu được rút phần giá trị 4.275.000 đồng mà ông N giao thêm thức ăn lần sau cùng vào ngày 27/3/2018 và rút toàn bộ phần lãi suất, do đó ông N chỉ yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Lê Thị P và ông Nguyễn Văn Bé T có trách nhiệm trả cho ông Lâm Văn N tổng số tiền là 117.820.000 đồng mà bà P và ông T còn nợ thức ăn. Ngoài ra ông N không còn yêu cầu gì khác.

Đồng bị đơn bà Lê Thị P vắng mặt tại phiên tòa nhưng có lời trình bày: Bà với ông T kết hôn với nhau vào năm 1997 và đã sống với nhau từ năm 1997 cho đến nay, hiện đang chung sống với nhau tại ấp L, xã L, thành phố T, tỉnh Trà Vinh. Bà tự ý nuôi gà, vịt một mình nên không có liên quan đến ông Nguyễn Văn Bé T chồng của bà, do chồng của bà không cho bà nuôi, nhưng bà tự nuôi để phát triển kinh tế gia đình, khi có thu nhập thì bà không đưa tiền cho ông T nhưng bà mua sắm sử dụng chung cho gia đình bà, vì bà là người giữ tiền trong gia đình. Chính vì vậy, ông T không đồng ý lên Tòa án để tham gia các tố tụng, nhưng ông T đồng ý trả nợ cho ông N.

Bà đã mua thức ăn của ông N để nuôi gà, vịt được khoảng 4 năm, đến năm 2020 bà không còn nuôi nữa do bà nuôi bị thua lỗ không có tiền trả tiền thức ăn cho ông N. Trong quá trình nuôi bà có trả tiền thức ăn cho ông N được 30.000.000 đồng, nay ông N yêu cầu trả tiền thức ăn mà bà đang còn nợ thì bà yêu cầu được tự trả cho ông N với tổng số tiền gốc là 122.095.000 đồng mà không liên

quan đến ông Tám và bà Lê Thị P không đồng ý trả lãi cho ông N do bà P không có khả năng trả tiền gốc.

Đồng bị đơn ông Nguyễn Văn Bé T, trong quá trình giải quyết vụ án đều vắng mặt, cũng như tại phiên tòa sơ thẩm hôm nay ông T vẫn vắng mặt không lý do, nhưng ông có lời trình bày: Ông là chồng của bà Lê Thị P, trước đây bà Phượng nuôi gà, vịt ông đã ngăn cản không cho bà P nuôi nên không liên quan gì đến ông. Tuy nhiên ông đồng ý cùng trả nợ với bà P cho ông N.

Vị đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm:

Về tố tụng: Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán từ khi thụ lý vụ án đến thời điểm này, đã chấp hành đúng qui định tại Điều 48 của Bộ luật tố tụng dân sự và việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử tại phiên tòa hôm nay đã thực hiện đúng qui định của Bộ luật tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm. Đối với nguyên đơn ông Lâm Văn N và đồng bị đơn bà Lê Thị P đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật. Riêng đồng bị đơn ông Nguyễn Văn Bé T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ 02 lần nhưng đều vắng mặt không có lý do tại phiên tòa.

Về nội dung vụ án:

Ghi nhận sự tự nguyện của ông Lâm Văn N về việc rút phần lãi suất đối với số tiền nợ gốc và không yêu cầu đồng bị đơn trả 4.275.000đồng. Do đó đề nghị đình chỉ đối với phần yêu cầu tính lãi đối với số tiền 122.095.000đồng và đình chỉ số tiền 4.275.000đồng.

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Lâm Văn N, buộc bà Lê Thị P và ông Nguyễn Văn Bé T có trách nhiệm trả cho ông Lâm Văn N tổng số tiền gốc là 117.820.000 đồng. Bà Lê Thị P và ông Nguyễn Văn Bé T phải chịu án phí theo quy định của pháp luật. Ông Lâm Văn N không phải chịu án phí.

Tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn yêu cầu được rút một phần yêu cầu khởi kiện về số tiền nợ thức ăn là 4.275.000đồng, rút toàn bộ phần lãi suất và giữ nguyên yêu cầu bà Lê Thị P và ông Nguyễn Văn Bé T trả tiền thức ăn còn nợ lại là 117.820.000đồng. Đồng bị đơn không yêu cầu phản tố. Các đương sự không thỏa thuận được với nhau.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về thủ tục tố tụng:

- Về quan hệ pháp luật: Ông Lâm Văn N bán thức ăn gia cầm cho bà Lê Thị P và ông Nguyễn Văn Bé T, với hình thức ông N giao thức ăn, bà P ký sổ nhận,

đây là hình thức hợp đồng mua bán giữa hộ kinh doanh với cá nhân với nhau. Vì vậy xác định quan hệ tranh chấp là “*Tranh chấp hợp đồng mua bán*” là phù hợp với quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- Về thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn ông Lâm Văn N cung cấp địa chỉ của đồng bị đơn bà Lê Thị P và ông Nguyễn Văn Bé T cùng trú tại ấp L, xã L, thành phố T, tỉnh Trà Vinh nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Trà Vinh theo quy định tại điểm a, khoản 1, Điều 35; điểm a, khoản 1, Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Sau khi thụ lý vụ án Tòa án tiến hành tổng đạt cho bà Lê Thị P và ông Nguyễn Văn Bé T theo quy định của pháp luật, bà P là vợ của ông T đang sống chung với nhau, bà P đã nhận các văn bản tố tụng thay ông T và cam kết giao lại cho ông T nhưng ông Nguyễn Văn Bé T đều vắng mặt không lý do trong quá trình giải quyết vụ án, cũng như tại phiên tòa hôm nay ông Nguyễn Văn Bé T và bà Lê Thị P đều vắng mặt. Do đó Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, để xét xử vắng mặt ông Nguyễn Văn Bé T và bà Lê Thị P.

[2] Về nội dung:

Ông Lâm Văn N yêu cầu đồng bị đơn bà Lê Thị P và ông Nguyễn Văn Bé T cùng có trách nhiệm trả nợ cho ông tổng số tiền gốc và lãi bằng 150.855.000đồng (vốn gốc: 122.095.000 đồng; lãi suất 20%/năm tính từ ngày 11/12/2020 đến ngày 07/02/2022 là 28.760.000đồng). Bà P thừa nhận còn nợ và đồng ý trả cho ông N số tiền gốc là 122.095.000 đồng, nhưng không đồng ý trả lãi do bà không có khả năng trả tiền gốc. Tuy nhiên, bà P và ông T cùng cho rằng việc mua bán thức ăn là do bà P tự thỏa thuận với ông N và bà P tự ý nuôi gà, vịt do ông T đã ngăn cản không cho bà P nuôi, nên ông T không có liên quan đến việc nuôi này. Do đó bà P tự có trách nhiệm trả nợ cho ông N mà không liên quan gì đến ông T là không có căn cứ. Bởi các lẽ sau:

Căn cứ vào Sổ giao nhận thức ăn gia cầm mà ông Lâm Văn N cung cấp cho Tòa án, đã được bà Lê Thị P thừa nhận và thống nhất quy trình giao nhận giữa hai bên là hoàn toàn đúng từ ngày tháng năm, số lượng thức ăn, giá tiền và tổng số tiền còn nợ là 122.095.000 đồng. Tuy nhiên, tại phiên tòa sơ thẩm hôm nay ông Lâm Văn N tự nguyện rút số tiền nợ thức ăn là 4.275.000đồng, nên chỉ yêu cầu bà Lê Thị P và ông Nguyễn Văn Bé T trả tiền thức ăn còn nợ lại là 117.820.000 đồng. Do đó việc mua bán giữa ông Lâm Văn N với bà Lê Thị P là có thật nên Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện của ông N.

Bà Lê Thị P và ông Nguyễn Văn Bé T là vợ chồng và đang sống chung với nhau từ năm 1997 cho đến nay. Bà P ở nhà chăm sóc con cái, nhà cửa và nuôi gà, vịt để mục đích phụ giúp phát triển kinh tế gia đình. Khi bà P nuôi có lời thì bà đã mua sắm trong gia đình, ông T không có ý kiến phản đối gì, nhưng khi bà P nuôi bị lỗ và thiếu nợ thức ăn thì ông T không nhận trách nhiệm về nợ. Tuy nhiên, trong quá trình giải quyết vụ án ông T đã đồng ý trả nợ theo yêu cầu của ông N cùng với

bà Phượng. Do đó yêu cầu khởi kiện của ông Lâm Văn N là có căn cứ chấp nhận.

Trong quá trình giải quyết vụ án, cũng như tại phiên tòa hôm nay, ông Lâm Văn N yêu cầu được rút một phần yêu cầu khởi kiện, về rút phần giá trị 4.275.000đồng mà ông N giao thêm thức ăn lần sau cùng vào ngày 27/3/2018a1 và rút toàn bộ phần lãi suất. Nay ông Lâm Văn N chỉ yêu cầu bà Lê Thị P và ông Nguyễn Văn Bé T trả số tiền thức ăn còn nợ là 117.820.000 đồng. Do đó Hội đồng xét xử đình chỉ giá trị thức ăn là 4.275.000đồng và đình chỉ yêu cầu lãi suất của ông Niệm.

[3] Đối với đề nghị của vị Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Trà Vinh là có căn cứ chấp nhận.

Từ những nhận định và phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử nghĩ nên chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Lâm Văn N.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Buộc bà Lê Thị P và ông Nguyễn Văn Bé T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Ông Lâm Văn N không phải chịu án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3, Điều 26; điểm a, khoản 1, Điều 35; điểm a, khoản 1, Điều 39, Điều 91, Điều 147, Điều 177, Điều 227, Điều 228, Điều 244, Điều 254, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Căn cứ vào các Điều 430, Điều 440, Điều 357 và Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Căn cứ vào Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, về án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Lâm Văn N. Buộc bà Lê Thị P và ông Nguyễn Văn Bé T có trách nhiệm trả cho ông Lâm Văn N tổng số tiền là 117.820.000 đồng.

Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của ông Lâm Văn N, về giá trị thức ăn là 4.275.000đồng và yêu cầu lãi suất.

Kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Buộc bà Lê Thị P và ông Nguyễn Văn Bé T phải chịu 5.891.000đồng (*Năm triệu, tám trăm chín mươi một nghìn đồng*), đối với phần yêu cầu khởi kiện của ông N được chấp nhận. Ông Lâm Văn N không phải chịu án phí.

Các đương sự có mặt có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự
- TAND tỉnh TV;
- VKSND TPTV;
- Chi cục THADS TPTV;
- Lưu VP, hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Diệp Thị Nết